

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **829** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **01** tháng **5** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình xúc tiến vận động viện trợ
phi Chính phủ nước ngoài và các dự án vừa và nhỏ của nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 40/2013/QĐ-TTg ngày 10/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2013-2017;

Căn cứ Quyết định số 1942/2013/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009 ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Xét đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 568^b/TTr-SNGV ngày 02/12/2015 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và các dự án vừa và nhỏ của nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi Chính phủ và các dự án vừa và nhỏ của nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 -2020 (Có Chương trình kèm theo).

Điều 2. Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, hướng dẫn thực hiện Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và các dự án vừa và nhỏ của nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị VN;
- Ban Điều phối viện trợ nhân dân;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP: Trần Văn Thương;
- Lưu VT, NC.

55

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

CHƯƠNG TRÌNH

**Xúc tiến vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và các dự án vừa và nhỏ
của nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 – 2020**
*(Kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 01 /6/2016
của UBND tỉnh Đắk Nông)*

PHẦN I

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài;
- Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về việc đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;
- Quyết định số 40/2013/QĐ-TTg ngày 10/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2013-2017;
- Quyết định số 1942/2013/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;
- Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;
- Chỉ thị số 10/2014/CT-UBND ngày 14/8/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 – 2020.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường sự huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và các nguồn viện trợ thuộc dự án vừa và nhỏ của nước ngoài (sau đây gọi chung và tắt là PCPNN), góp phần giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông.

2. Mục tiêu cụ thể

- Củng cố, tăng cường về quan hệ hợp tác với các tổ chức PCPNN đã và đang hoạt động tại tỉnh Đắk Nông và trong nước, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức PCPNN có tiềm năng;

- Duy trì và nâng cao giá trị viện trợ của cá nhân và tổ chức PCPNN, nâng cao hiệu quả của viện trợ PCPNN thông qua việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá nâng cao năng lực hợp tác với các tổ chức PCPNN;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động viện trợ của các tổ chức PCPNN đi đôi với bảo đảm bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Nâng cao tính chủ động, năng lực hợp tác trong mối quan hệ với các tổ chức PCPNN của các Sở, ban, ngành, địa phương và người dân;

- Định hướng cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã xây dựng các dự án vận động viện trợ PCPNN.

III. NGUYÊN TẮC

- Phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, tuân thủ các quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của từng ngành và địa phương. Bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn thực hiện các chương trình, dự án và các khoản viện trợ;

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành và địa phương, trong công tác vận động, tiếp nhận, thực hiện nguồn viện trợ và quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN;

- Đáp ứng nguồn nhân lực, bố trí đủ nguồn kinh phí vận động, kinh phí đối ứng để thực hiện các chương trình, dự án.

IV. ĐỊNH HƯỚNG

1. Định hướng chung

Vận động viện trợ PCPNN phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xóa đói - giảm nghèo của tỉnh, phù hợp với quy hoạch và tình hình thực tế của từng ngành và địa phương.

2. Định hướng theo lĩnh vực

2.1. Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn

- Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư: đào tạo, tập huấn, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho cán bộ khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Phát triển hạ tầng cơ sở có quy mô nhỏ ở nông thôn như các công trình thủy lợi, trạm bơm, các công trình nước sạch, đường liên thôn;

- Phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm;

- Nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển nông thôn. Tăng cường đầu tư về công nghệ sinh học, cơ giới hóa, tự động hóa để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản.

- Tăng cường hướng dẫn phương thức canh tác theo mô hình nông, lâm kết hợp để nâng cao ý thức người dân trong việc bảo vệ rừng, đồng thời, tăng thu nhập, bảo đảm cuộc sống ổn định và làm giàu từ nghề rừng.

2.2. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

- Xây dựng mô hình nông thôn mới; phát triển ngành, nghề, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu từ gỗ, mây, tre, sản xuất và dịch vụ nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế thông qua tăng cường thu nhập phi nông nghiệp;

- Hình thành và khôi phục các làng nghề truyền thống dân tộc như dệt thổ cẩm, mây tre đan, sản xuất hàng tiêu dùng nhằm tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

2.3. Y tế

- Đào tạo cán bộ y tế: Hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế thông qua chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và nghiệp vụ; cấp học bổng đào tạo cán bộ y tế trong và ngoài nước;

- Phát triển hạ tầng cơ sở y tế: Nâng cấp, xây dựng, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao công nghệ cho các bệnh viện chuyên ngành tuyến tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã;

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình quốc gia trên địa bàn tỉnh về phòng, chống sốt rét, lao phổi, phong, sốt xuất huyết, nước sạch và vệ sinh môi trường;

- Phòng, chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người nhiễm HIV/AIDS và nạn nhân chất độc da cam; phòng, chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa của ma túy, tuyên truyền và sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn;

- Hỗ trợ xây dựng các trung tâm kiểm soát dịch bệnh;

- Hỗ trợ các hoạt động dân số kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản...

2.4. Giáo dục và đào tạo

- Hỗ trợ đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên đối với giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục: Hỗ trợ xây dựng các trường trung học, tiểu học và các trường mầm non; xây dựng hệ thống các trường dân tộc nội trú, hệ thống nhà nội trú, bán trú; phát triển hệ thống thư viện phù hợp với yêu cầu của từng cấp;

- Trao đổi giáo dục, hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, cung cấp giáo viên tình nguyện các chuyên ngành cho các trường đào tạo chuyên sâu, các trường phổ thông;

- Cung cấp học bổng đào tạo trong và ngoài nước;

- Hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin nhằm nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet cho các trường phổ thông, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu.

2.5. Đào tạo, dạy nghề và hướng nghiệp

- Hỗ trợ đào tạo, dạy nghề, chú trọng các vùng nông thôn, các vùng sâu, vùng xa;

- Xây dựng, phát triển các cơ sở dạy nghề để thật sự là những trường dạy nghề có chất lượng, có thương hiệu, đặc biệt quan tâm dạy nghề cho nông dân chuyển đổi nghề nghiệp, trong đó thanh niên nông thôn có trình độ văn hoá phổ thông cần được đào tạo nghề cơ bản để làm việc lâu dài trong các cơ sở công nghiệp, dịch vụ mới tại địa phương;

- Xây dựng chương trình đào tạo, dạy nghề phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình dạy nghề hiệu quả;

- Phát triển cơ sở vật chất cho đào tạo và dạy nghề: Xây dựng cơ sở và cung cấp trang thiết bị cho dạy nghề của hệ thống các trường, các trung tâm dạy nghề;

- Đào tạo, dạy nghề gắn với việc làm cho các đối tượng đặc biệt trong xã hội, người khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam,...

2.6. Giải quyết các vấn đề xã hội

- Nâng cao chất lượng sống và an sinh trẻ em trong gia đình và cộng đồng một cách bền vững, đặc biệt là những trẻ em dễ bị tổn thương;

- Giúp đỡ người già neo đơn, người khuyết tật và trẻ em mồ côi;

- Xóa nhà tạm cho người nghèo, các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng dễ bị ảnh hưởng của thiên tai;

- Tuyên truyền, phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông;

- Tuyên truyền phòng ngừa, điều trị cai nghiện ma túy.

2.7. Môi trường

- Bảo vệ môi trường: Khuyến khích các dự án nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường sống, môi trường thiên nhiên (trồng và bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ, vệ sinh môi trường...), phát triển mạng lưới thu gom và xử lý, tái chế rác thải đô thị;

- Hỗ trợ thiết lập các khu bảo tồn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và phòng chống buôn bán, giết hại các loài động vật hoang dã;

- Bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học.

2.8. Khắc phục hậu quả chiến tranh

- Xử lý vật liệu và bom mìn chưa nổ;

- Hỗ trợ nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, nạn nhân bị bom mìn và vật liệu nổ;

- Giáo dục phòng, tránh tai nạn bom, mìn.

2.9. Phòng, giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp

- Phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng hệ thống nhà chống lũ, đào tạo kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai,...;
- Cứu trợ khẩn cấp (cung cấp thuốc men, lương thực, nhà ở) khi xảy ra thiên tai, tái thiết cơ sở hạ tầng và phục hồi sản xuất.

2.10. Văn hóa, thể thao, du lịch

- Trao đổi văn hóa, thể thao; đào tạo huấn luyện viên, vận động viên;
- Vận động hỗ trợ xây dựng các điểm sinh hoạt văn hoá, thể thao, sân vận động trên các địa bàn vùng sâu, vùng xa;
- Tuyên truyền giá trị văn hóa và bảo vệ văn hóa phi vật thể, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống và các di sản văn hóa;
- Vận động tài trợ cho các hoạt động văn hóa, thể thao;
- Vận động mở các lớp tập huấn cho người dân bản địa phương thức làm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với phát triển bền vững.

2.11. Ứng phó với biến đổi khí hậu

- Khuyến khích các dự án nhằm ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu như các dự án về xử lý rác thải, tái chế rác;
- Giảm nhẹ cường độ phát thải khí nhà kính;
- Kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường;
- Nâng cao chất lượng môi trường sống như các dự án cung cấp về nước sạch, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường nông thôn, đa dạng sinh học và đạt các chỉ tiêu về môi trường;
- Quản lý tài nguyên thiên nhiên: Khuyến khích các dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng theo hướng hiệu quả và bền vững các tài nguyên đất, nước, không khí, rừng.

3. Định hướng theo địa bàn

3.1. Đối với khu vực thị xã Gia Nghĩa

- Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm;
- Phát triển ngành, nghề thủ công;
- Chăm sóc sức khỏe, chú trọng các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các cơ sở y tế chuyên sâu; đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế;
- Phòng, chống HIV/AIDS, tệ nạn ma túy, mại dâm;
- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật,...).
- Giải quyết ô nhiễm môi trường; hỗ trợ thu gom và xử lý chất thải rắn; hỗ trợ đầu tư các dự án nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường sống.

3.2. Đối với các khu vực còn lại

- Đào tạo, dạy nghề; phát triển ngành nghề thủ công; tạo cơ hội việc làm và thu nhập phi nông nghiệp;

- Đào tạo người dân phát triển du lịch cộng đồng nhằm tạo ra nhiều việc làm cho ngành du lịch địa phương, tăng thu nhập cho các cộng đồng dân cư và góp phần tích cực vào việc bảo tồn các di sản tự nhiên và văn hóa;

- Phát triển khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hỗ trợ phát triển hạ tầng sản xuất quy mô nhỏ như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn; xây dựng các mô hình phát triển nông thôn tổng hợp, mô hình nông thôn mới;

- Đào tạo cán bộ y tế; phát triển hạ tầng cơ sở y tế như nâng cấp, xây dựng, cấp trang thiết bị cho các bệnh viện và trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã;

- Giải quyết ô nhiễm môi trường; hỗ trợ thu gom và xử lý chất thải rắn;

- Phòng, chống HIV/AIDS, tệ nạn ma túy; các hoạt động dân số như kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản,...

- Xây dựng hạ tầng cơ sở giáo dục, kiên cố hoá hệ thống các trường, đặc biệt là trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non, nhà nội trú, bán trú cho con em đồng bào dân tộc; đào tạo giáo viên các cấp, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ; hỗ trợ cải thiện đời sống của phụ nữ;

- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật,...);

- Rà phá bom, mìn còn sót lại sau chiến tranh; nâng cao nhận thức về hiểm họa của bom, mìn và vật liệu chưa nổ; trợ giúp nạn nhân chiến tranh, nạn nhân bom, mìn;

- Bảo vệ và cải thiện môi trường (trồng và bảo vệ rừng); bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học; bảo tồn các di sản văn hóa; ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu;

- Phát triển mô hình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Hỗ trợ xây dựng các thiết chế văn hóa như thư viện, sân vận động... nhằm góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân địa phương.

PHẦN II

BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

- Tuyên truyền và thực hiện tốt việc vận động, tiếp nhận quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân và tổ chức

PCPNN hoạt động tại Đắk Nông với thủ tục đơn giản, nhanh gọn và tuân thủ các quy định;

- Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, phối hợp kiểm tra và đánh giá các dự án PCPNN có sự tham gia theo dõi, giám sát và đánh giá từ phía cộng đồng;

- Kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc vận động viện trợ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này.

2. Về thông tin, tuyên truyền

- Nâng cao nhận thức về bản chất của viện trợ PCPNN, phát huy tinh thần làm chủ trong thu hút và sử dụng nguồn vốn này nhằm phục vụ mục tiêu giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Tăng cường cung cấp thông tin về nhu cầu vận động viện trợ PCPNN của các ngành, các địa phương bằng nhiều phương thức để chuyển tải đến nhà tài trợ;

- Xây dựng chuyên mục viện trợ PCPNN trên website của tỉnh để giới thiệu nhu cầu viện trợ và giới thiệu Chương trình vận động viện trợ của tỉnh lên website của Ban điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM);

- Tổ chức các hội thảo để tiếp cận và giới thiệu với nhà tài trợ nhu cầu viện trợ của tỉnh;

- Tăng cường công tác tuyên truyền về hiệu quả của nguồn viện trợ PCPNN, về các mô hình, dự án hiệu quả; các bài học và các kinh nghiệm thiết thực cho các tổ chức tài trợ cũng như các cơ quan quản lý của tỉnh nhằm tranh thủ những nguồn viện trợ khác.

3. Về phương thức vận động

- Duy trì quan hệ với các đối tác truyền thống đã có viện trợ cho tỉnh Đắk Nông, đồng thời, tăng cường mở rộng quan hệ với các tổ chức PCPNN có tiềm lực và hoạt động trong những lĩnh vực tỉnh cần thu hút;

- Tăng cường phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN, PACCOM để cung cấp thông tin nhằm giới thiệu các nhu cầu của tỉnh với các tổ chức PCPNN, hướng viện trợ vào những lĩnh vực và địa bàn ưu tiên;

- Tranh thủ vận động viện trợ PCPNN thông qua các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

- Xây dựng danh mục dự án có chất lượng để chủ động trong công tác vận động;

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác tiếp xúc, vận động viện trợ PCPNN;

- Chuyển đổi phương thức vận động chung sang vận động theo từng dự án cụ thể. Xác định rõ lĩnh vực và địa bàn ưu tiên, tránh trùng lặp trong viện trợ;

- Định kỳ hàng năm tổ chức gặp mặt các tổ chức PCPNN đang triển khai hoạt động trên địa bàn tỉnh để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, cung cấp thông tin về nhu cầu của địa phương và vận động các tổ chức mới viện trợ cho tỉnh;

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng nhằm lựa chọn các đối tác phù hợp, đảm bảo an ninh đối ngoại trong công tác thu hút, vận động viện trợ.

4. Về tăng cường công tác giám sát, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả viện trợ PCPNN

- Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án PCPNN để kịp thời rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình hoặc chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong quá trình thực hiện;

- Tăng cường thông tin và tuyên truyền về hiệu quả của nguồn viện trợ PCPNN, về các mô hình dự án hiệu quả, các bài học và kinh nghiệm thiết thực cho các tổ chức tài trợ cũng như cho các cơ quan liên quan;

- Tăng cường thúc đẩy mô hình tham gia giám sát các dự án viện trợ PCPNN của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và cộng đồng.

5. Về củng cố bộ máy cơ quan vận động viện trợ PCPNN

- Củng cố và tăng cường năng lực các cơ quan đầu mối về công tác PCPNN của tỉnh, bảo đảm có cán bộ chuyên trách, được đào tạo cơ bản và phù hợp, đủ điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện công tác vận động, quản lý và sử dụng viện trợ hiệu quả;

- Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức một cách có hệ thống và thường xuyên cho cán bộ làm công tác viện trợ PCPNN về các kỹ năng xây dựng, vận động, quan hệ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án PCPNN. Đặc biệt, chú trọng nâng cao năng lực thiết kế dự án kêu gọi viện trợ PCPNN, trình độ ngoại ngữ;

- Bố trí ngân sách cho các cơ quan đầu mối vận động viện trợ PCPNN để triển khai các hoạt động vận động;

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án có yêu cầu và ban hành Quy chế sử dụng vốn đối ứng cho các dự án viện trợ PCPNN.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Ngoại vụ

- Là cơ quan đầu mối trong quan hệ, vận động và điều phối các khoản viện trợ PCPNN; chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Chương trình, cụ thể hóa các nội dung Chương trình thông qua các kế hoạch hành động cụ thể từng năm;

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương về trình tự, thủ tục, nội dung làm việc với các tổ chức PCPNN theo đúng các quy định;

- Phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn các Sở, Ban ngành, đơn vị, địa phương xây dựng danh mục các dự án vận động viện trợ PCPNN;

- Kịp thời báo cáo UBND tỉnh và Ban Công tác PCPNN để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và tham mưu điều chỉnh Chương trình cho phù hợp;

- Hàng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả vận động viện trợ, đề xuất phương hướng vận động cho năm tiếp theo;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác vận động viện trợ PCPNN.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan đầu mối trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN;

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương về trình tự, thủ tục tiếp nhận, phê duyệt và triển khai các khoản viện trợ PCPNN theo đúng các quy định;

- Phối hợp với Sở Ngoại vụ trong công tác vận động, điều phối các khoản viện trợ PCPNN.

3. Sở Tài chính

- Bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để xây dựng và triển khai Chương trình hàng năm;

- Hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng và quản lý nguồn viện trợ trên cơ sở quy định của pháp luật về quản lý tài chính.

4. Công an tỉnh

- Hướng dẫn các Sở, ban, ngành tại địa phương trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

- Phối hợp quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN, người nước ngoài và người Việt Nam làm việc cho các tổ chức PCPNN;

- Tham gia thẩm định về mặt an ninh trong việc cấp phép và phê duyệt dự án PCPNN (thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh), nhất là các dự án liên quan An ninh – Quốc phòng, chính sách, pháp luật, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc...

- Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động của các tổ chức PCPNN tại địa phương.

5. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham vấn, lồng ghép các dự án, chương trình đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo mục tiêu, đối tượng và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ

Hỗ trợ việc thực hiện các quy định trong tiếp xúc làm việc với các tổ chức PCPNN có yếu tố tôn giáo; phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền địa phương liên quan kiểm tra, xử lý khi phát hiện các sai phạm liên quan đến vấn đề tôn giáo.

7. Các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã

- Chủ động tham gia các hoạt động xúc tiến vận động, quản lý và sử dụng có hiệu quả viện trợ PCPNN;

- Cụ thể hóa các nội dung ưu tiên vận động viện trợ trên cơ sở tình hình thực tế của đơn vị, địa phương.

- Xây dựng hoàn thiện nội dung của dự án thuộc Danh mục các dự án ưu tiên xúc tiến vận động viện trợ PCPNN giai đoạn 2016-2020 theo tình hình và nhu cầu thực tế của các địa phương;

- Hàng năm, rà soát, tổng hợp các vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh về xúc tiến vận động viện trợ PCPNN, gửi về Sở Ngoại vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Ngoại vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn